TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC HÒA** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 264/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 27-11-2017
V/v "Tranh chấp ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Tiền Phương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thanh Hoàng

Bà Trần Thị Đổi

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Như Ý là Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Long An.

Ngày 27 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1071/2017/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2017 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 350/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lê Phước T, sinh năm 1956; (có mặt)

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị, sinh năm 1969; (có mặt)

Địa chỉ: ấp Đ, thị trấn N, huyện N, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Lê Phước T trình bày: Tôi và bà Nguyễn Thị P tự tìm hiểu, sau đó ông và bà P có tiến tới hôn nhân năm 2009, nhưng không có tổ chức lễ cưới, nhưng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện D, tỉnh Tây Ninh vào ngày 11/8/2016. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, nhưng mấy năm gần đây thì bà Phỉ và con riêng của bà P có thái độ thiếu tôn trọng ông. Đến đầu tháng 10 năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn càng trầm trọng hơn, nguyên nhân là do cuộc sống không phù hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ không tôn trọng chồng, ghen tuông vô cớ, có lời lẽ thiếu chuẩn mực với ông và con riêng của bà P có thái độ muốn hành hung ông, vì cho rằng ông có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, nhưng không có chứng cứ gì. Ông và bà P không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân, nên ông và bà Phỉ không còn sống chung từ đầu

tháng 10 năm 2017 cho đến nay. Hiện tại, ông xác định tình cảm vợ chồng cũng không còn, không còn khả năng hàn gắn, nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà P.

Về con chung: Quá trình chung sống, ông và bà P không có con chung.

Về tài sản: Toàn bộ nhà, đất tại ấp Đ, thị trấn N, huyện N, tỉnh Long An và 02 xe mô tô Lead và Future do tông đứng tên sở hữu trong quá trình sống chung với bà P là tài sản riêng của ông, giữa ông và bà P không có tài sản chung gì. Ông cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết gì về tài sản.

Về nợ chung: Ông và bà P không có nợ ai.

Bị đơn – bà Nguyễn Thị P trình bày:

Bà và ông T sống chung với nhau từ năm 2009, nhưng đến năm 2016 mới đăng ký kết hôn như lời trình bày của ông T. Vợ chồng sống chung với nhau được 8 năm hạnh phúc. Nhưng đến ngày 02/10/2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là bà phát hiện ông T có quan hệ với người phụ nữ khác, bà có nóng giận có lời lẽ không phù hợp với ông T, nhưng sự nóng giận đó là để bảo vệ gia đình. Việc ông T có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác là làm mất mặt bà, chứ không phải bà làm mất mặt ông T. Lỗi là do ông T, nhưng bà vẫn còn thương ông Trung, nên ông T yêu cầu ly hôn với bà thì bà không đồng ý, bà vẫn muốn vợ chồng hàn gắn tình cảm. Bà đề nghị Tòa án bác đơn yêu cầu xin ly hôn của ông T đối với bà.

Về con chung: Bà xác định giữa bà và ông T không có con chung.

Về tài sản: Nhà, đất và xe như ông T trình bày là tài sản chung của bà và ông T. Bà không khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung gì. Ông T có tranh chấp tài sản gì thì ông T tự khởi kiện. Nhà của bà thì bà có quyền ở, nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

Về nợ chung: Vợ chồng bà không có nợ ai.

Vụ kiện đã được Tòa án hòa giải đoàn tụ, nhưng không thành.

Tại phiên tòa hôm nay: nguyên đơn và bị đơn vẫn giữ nguyên ý kiến như đã trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Lê Phước T khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với bà Nguyễn Thị P. Bà P đang cư trú tại thị trấn N, huyện N, tỉnh Long An. Quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp về hôn nhân và gia đình; thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Long An theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Lê Phước T, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Về hôn nhân: Ông T và bà P tự nguyện sống chung và đã đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 087/2016 đăng ký ngày 11/8/2016 do Ủy ban nhân dân xã G, huyện D, tỉnh Tây Ninh cấp, nên hôn nhân giữa ông T và bà P là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình. Tại phiên tòa, bà P thừa nhận có sự việc ghen tuông, có những phát ngôn thiếu tôn trọng ông T và con riêng của bà P có thái độ không đúng với ông T, vì bà P cho rằng ông T có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác. Bà P cho rằng: Việc ông T yêu cầu ly hôn với bà P là do em ruột của ông T xúi giục chứ ông T không muốn ly hôn với bà P, nhưng những lời trình bày của bà P đều không đưa ra được chứng cứ chứng minh. Bà P cho rằng cần có thời gian để hai vợ chồng hàn gắn tình cảm, nhưng quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông T đều khẳng định tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn, có cho thời gian thì ông T cũng không quay về sống chung với bà Phỉ, bởi do sự ghen tuông vô cớ, sự thiếu tôn trọng ông T của bà P và con riêng của bà P. Xét thấy, mục đích kết hôn nhằm xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc và được thực hiện bởi ý chí vun đắp của vợ và chồng. Bà P muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng; Ngược lại, ông T khẳng định không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng và duy trì mối quan hệ vợ chồng giữa ông T và bà P. Hội đồng xét xử xét thấy, tiếp tục duy trì, kéo dài mối quan hệ hôn nhân thì các đương sự cũng không thể hàn gắn được tình cảm do một trong các bên không có ý chí tự nguyện, nên việc kéo dài thời gian như đề nghị của bà P cũng chỉ làm cho đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét thấy, việc ông T yêu cầu ly hôn với bà P là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cho ông Lê Phước T được ly hôn với bà Nguyễn Thị P là phù hợp.

[2.2] Về nuôi con chung: Ông T và bà P đều xác định không có con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về chia tài sản: Trong quá trình giải quyết vụ án, ông T và bà P đều không có yêu cầu Tòa án giải quyết đối với phần tài sản nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Ông T và bà P đều xác định không có nợ ai, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Ông Lê Phước T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 6, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nhưng trước khi mở phiên tòa, ông T có đơn xin miễn nộp tiền án phí, với lý do ông T là người cao tuổi, thuộc trường hợp miễn nộp tiền án phí theo quy định của pháp luật và được Tòa án chấp nhận theo Quyết định miễn nộp tiền án phí vụ án hôn nhân và gia đình số 01/2017/QĐ-TA ngày 22/11/2017, nên ông T không phải nộp tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Hoàn trả cho ông Lê Phước T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000

đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001582 ngày 26/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 483 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 6, Điều 12, Điều 14, Điều 15, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Phước T về việc tranh chấp ly hôn với bà Nguyễn Thị P.

1. Về hôn nhân: Ông Lê Phước T được ly hôn với bà Nguyễn Thị P.

2. Về án phí: Ông Lê Phước T không phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm (Theo Quyết định miễn nộp tiền án phí vụ án hôn nhân và gia đình số 01/2017/QĐ-TA ngày 22/11/2017 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An). Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí mà ông Lê Phước T đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001582 ngày 26/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Long An.

3. Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- UBND xã G, huyện H, tỉnh Tây Ninh *(để ghi vào sổ hộ tịch)*;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đinh Tiền Phương